

Nghiên cứu chuỗi giá trị dược liệu – cây Diệp Hạ Châu

- Huỳnh Bảo Tuân
- Hồ Phương Hoàng
- Trần Thị Cẩm
- Nguyễn Ngọc Kiều Chinh

Trường Đại học Bách Khoa, ĐHQG-HCM

(Bài nhận ngày 31 tháng 07 năm 2013, hoàn chỉnh sửa chữa ngày 04 tháng 10 năm 2013)

TÓM TẮT:

Ngành dược liệu được định hướng là ngành kinh tế trọng điểm mang lại lợi nhuận cho đất nước trong tương lai, tuy nhiên mối quan hệ và liên kết giữa các thành phần tham gia vào ngành chưa được xác định rõ ràng, cụ thể. Nghiên cứu này tính toán chuỗi giá trị cây dược liệu tiêu biểu nằm trong danh mục cây thuốc quốc gia - cây Diệp Hạ Châu. Phương pháp phân tích kinh tế chuỗi giá trị thực hiện theo phương pháp nghiên cứu của Eschborn GTZ (2007), Raphael Kaplinsky và Mike Morris (2000) và chương trình M4P (2007) đối với cây Diệp Hạ Châu tại tỉnh Phú

Yên. Kết quả nghiên cứu nêu lên sơ đồ chuỗi giá trị với các tác nhân tham gia chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu, các liên kết, mối quan hệ, mức độ trao đổi thông tin và cuối cùng là tỷ trọng lợi nhuận của các tác nhân. Nghiên cứu cũng đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện chuỗi gồm: tập trung phát triển R&D và công nghiệp hóa nông nghiệp trồng trọt dược liệu tại Việt Nam. Nghiên cứu còn là nền tảng cho các nghiên cứu sâu hơn về nâng cao và cải thiện kinh tế cho các thành phần có giá trị gia tăng thấp trong chuỗi.

Từ khóa: Chuỗi giá trị, Diệp Hạ Châu, Dừa Cạn, Chuỗi giá trị cho người nghèo, dược liệu.

GIỚI THIỆU

Diệp Hạ Châu (tên khoa học: Phyllanthus Amarus) là vị thuốc quý được dùng nhiều trong y học cổ truyền phương Đông điều trị các bệnh về gan, đái tháo đường và sỏi thận. Diệp Hạ Châu thuộc họ Thầu Dầu, thuộc loại cỏ sống hàng năm hoặc nhiều năm, gốc hóa gỗ, thân nhẵn có nhiều cành mang lá. Diệp Hạ Châu được sử dụng để chiết xuất các hợp chất Phyllanthin, Hypophyllanthin có tác dụng với bệnh viêm gan siêu vi B, bệnh vàng da do tổn thương gan, ức chế khối u và ức chế tế bào ung thư gan. Giống Diệp Hạ Châu đạt tiêu chuẩn được quy định có hạt màu nâu nhạt đồng nhất; tỷ lệ nảy mầm trên 90%; trọng lượng 1000 hạt đạt 2,2 gram;.... Công nghệ trồng sạch (không sử dụng phân bón vô cơ và thuốc trừ sâu) và Công nghệ sau thu hoạch (chú trọng kỹ thuật nhỏ, cắt, phơi, sấy sau thu hoạch) được áp dụng để kiểm soát chất lượng.

Hiện nay Việt Nam có ba vùng trồng Diệp Hạ Châu với sản lượng tương đối cao là Lâm Đồng, Phú Yên và Ninh Thuận, trong đó vùng trồng Diệp Hạ Châu ở Phú Yên sản xuất nguyên liệu thô có hàm lượng hoạt chất (>2.000mg Phyllanthin/kg) cao hơn so với các nơi khác.

Tại Việt Nam, nhu cầu nguyên liệu của các nhà máy ước tính từ 5 -10 tấn nguyên liệu chiết xuất từ Diệp Hạ Châu để sản xuất thuốc trị bệnh viêm gan siêu vi, hạ men gan, tăng cường chức năng gan dưới nhiều dạng như trà thuốc, viên nang mềm, viên nang cứng.

Mặc dù sở hữu nguồn giống tốt và điều kiện tự nhiên thuận lợi, nhưng trong chuỗi tồn tại sự yếu kém trong liên kết, thiếu nguồn lực, chi phí nhân công cao, quản lý chất lượng và bảo quản sau thu hoạch kém. Điều này cho thấy có nhiều vấn đề cần được nghiên cứu và tìm hiểu liên quan đến

trồng trọt và sản xuất nhằm cung cấp bức tranh toàn cảnh về chuỗi cung ứng từ đầu vào đến đầu ra, nâng cao hiệu quả các hướng đầu tư có liên quan đến gia tăng giá trị, phát triển bền vững chuỗi giá trị dược liệu Diệp Hạ Châu tại Phú Yên nói riêng và cả nước nói chung.

MỤC TIÊU NGHIÊN CỨU

Mục tiêu chung

Phân tích chuỗi giá trị cây Diệp Hạ Châu và các vấn đề liên quan nhằm giúp các nhà quản lý, nhà đầu tư có thêm cơ sở để hoạch định các chính sách, hướng đầu tư phù hợp nhằm tăng hiệu quả trồng trọt và tiêu thụ dược liệu trong nước cũng như nâng cao liên kết giữa nông dân trồng trọt và công ty góp phần phát triển bền vững chuỗi giá trị.

Mục tiêu cụ thể

Mô tả chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu tại Phú Yên; Phân tích kinh tế chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu; Phân tích, so sánh với cây dược liệu: Dừa Cạn; Đề nghị các giải pháp nâng cấp và phát triển bền vững chuỗi giá trị.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Lý thuyết chuỗi giá trị Micheal Porter (1985), Kaplinsky và Morris (2000), và Recklies (2001), phương pháp tiếp cận chuỗi giá trị Eschborn GTZ (2007) và chương trình M4P (*nghiên cứu chuỗi giá trị cho người nghèo*) (2007) được ứng dụng để nghiên cứu và phân tích cùng với số liệu thu thập đại diện trên các tác nhân tham gia chuỗi.

Có 4 cách tiếp cận và phân tích chuỗi giá trị bao gồm cách tiếp cận chuỗi giá trị cho người nghèo, cách tiếp cận của Micheal Porter, tiếp cận theo “filière”, và theo toàn cầu hóa.

Cách tiếp cận chuỗi giá trị cho người nghèo chú trọng về vấn đề việc làm và thu nhập của người nghèo trong chuỗi; hướng đến các giải pháp tạo nên giá trị gia tăng cao hơn, cải thiện và nâng cao đời sống người nghèo trong chuỗi. Cách tiếp cận này phù hợp với các mục đích tìm ra các hướng phát triển ngành, hoạch định chính sách vĩ mô, tìm hiểu sự phân phối thu nhập và việc làm và đang được áp dụng tại nhiều quốc gia đang phát triển đặc biệt trong nông nghiệp nhằm giúp phát triển bền vững kinh tế địa phương.

Porter (1985) tiếp cận theo khung lý thuyết chuỗi giá trị. Porter đã phân biệt các hoạt động chính yếu giúp tăng thêm giá trị một cách trực tiếp vào sản phẩm, dịch vụ và hoạt động hỗ trợ, đóng góp giá trị một cách gián tiếp.

Cách tiếp cận “filière” (chuỗi) dùng để phân tích hệ thống sản xuất nông nghiệp trong bối cảnh những nước đang phát triển, chú trọng nhiều đến liên kết giữa các sản phẩm nông nghiệp địa phương với nền kinh tế, thương mại, xuất khẩu. Tiếp cận theo quan điểm toàn cầu hóa được đề cập lần đầu trong nghiên cứu về toàn cầu hóa của Gereffi và Korzeniewicz (1994), Kaplinsky (1999). Điểm nổi bật chính của cách tiếp cận này là lý thuyết về hệ thống sản xuất tích hợp cho các doanh nghiệp đứng đầu thị trường để đề ra một bộ tiêu chuẩn các quy định nhà sản xuất nào có khả năng tham gia vào hệ thống.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu thực hiện theo phương pháp tiếp cận cho người nghèo, với các bước cụ thể và rõ ràng. Đây cũng là phương pháp nghiên cứu được tổng hợp và bổ sung từ nhiều nghiên cứu trước tại Việt Nam. Quá trình nghiên cứu được thực hiện tuân tự theo 6 bước bao gồm:

Chọn nhánh ưu tiên: xếp hạng đánh giá những chuỗi có tiềm năng theo các điều kiện xác định tùy thuộc vào môi trường nghiên cứu.

Lập sơ đồ chuỗi giá trị: xây dựng bức tranh tổng quát về chuỗi nghiên cứu để phân tích mối quan hệ, dòng chảy thông tin giữa các tác nhân và khâu trong chuỗi.

Xác định các quy tắc - sự quản chế và sự hỗ trợ chuỗi từ các tác nhân: xác định cơ chế vận hành chuỗi, các quy định, nguyên tắc, tiêu chuẩn và mức độ tuân thủ của từng tác nhân.

Xác định mối quan hệ giữa các liên kết trong chuỗi: xác định cách các tác nhân tiếp cận với sự hỗ trợ của thành phần bên ngoài chuỗi nhằm xác định các mối liên kết riêng lẻ theo hai mặt xã hội và địa lý.

Phân tích các lựa chọn về kỹ năng - công nghệ và dịch vụ hỗ trợ: phân tích hiệu quả, phân loại và mức độ thích hợp của các công nghệ, kỹ thuật đang được sử dụng.

Phân tích chi phí và lợi nhuận biên của các tác nhân tham gia chuỗi: xác định giá trị gia tăng của từng giai đoạn trong chuỗi giá trị thông qua xác

định giá thành, cơ cấu doanh thu và chi phí của từng tác nhân.

Phạm vi nghiên cứu

Phạm vi phân tích kinh tế chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu giới hạn tại vùng trồng xã Hoà An - Huyện Phú Hòa, phường Phú Thạnh – Thành phố Tuy Hòa, và xã Hoà Hiệp Nam, xã Hoà Hiệp Trung, xã Hoà Hiệp Bắc - Huyện Đông Hòa thuộc tỉnh Phú Yên. Dữ liệu thu thập được phỏng vấn trực tiếp qua bộ câu hỏi liên quan đến từng tác nhân tham gia chuỗi Diệp Hạ Châu và các chuyên gia trong ngành dược liệu.

Mô tả mẫu

Mẫu nghiên cứu gồm 7 đối tượng thuộc các tác nhân tham gia và hỗ trợ chuỗi ngành. Quan sát mẫu chọn bằng phương pháp thuận tiện.

Cơ cấu điều tra và cỡ mẫu

Tác nhân	Chi tiết	Số hộ
Nông dân	Huyện Đông Hòa	10
Công ty trồng trọt	Trồng tại nông trường	1
Công ty sơ chế	Thu gom, sơ chế, bảo quản	1
Công ty chế biến	Nghiên, xay, tạo cao	3
Công ty sản xuất	Tinh chế, chiết xuất, thành phẩm	3

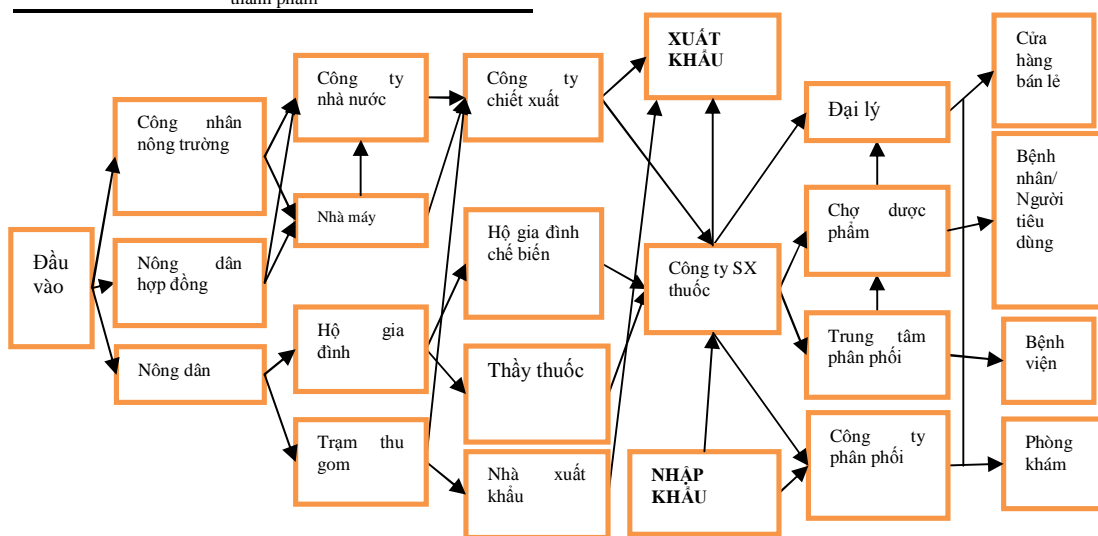
Công ty phân phối/Đại lý	Phân phối sản phẩm	3
Chuyên gia trong ngành		4

KẾT QUẢ - THẢO LUẬN

Chuỗi liên kết ngành dược liệu trong nước

Cả nước hiện có 136 loài cây thuốc đang được trồng và mỗi năm cung cấp cho thị trường khoảng 15.600 tấn. Năm 2011, nhu cầu dược liệu trong nước là 59.548 tấn/năm gồm: phục vụ công nghiệp dược 20.110 tấn, hệ thống chữa bệnh bằng y học cổ truyền 18.452 tấn và xuất khẩu 20.986 tấn.

Bên cạnh việc gặp phải khó khăn trong vấn đề đầu vào, ngành dược liệu Việt Nam còn vấp phải khó khăn trong khâu chiết xuất và quản lý. Mối liên kết giữa nông dân và các nhà máy/công ty còn hạn chế, dẫn đến đầu vào không ổn định do thiếu sự tin tưởng lẫn nhau giữa các bên. Về công nghệ, do chi phí đầu tư ban đầu quá lớn, nên các công ty chủ yếu tập trung vào sản xuất các loại thuốc generic dùng để điều trị các bệnh thông thường. Các loại thuốc chữa các bệnh đặc trị vẫn còn phải nhập khẩu với giá cao.



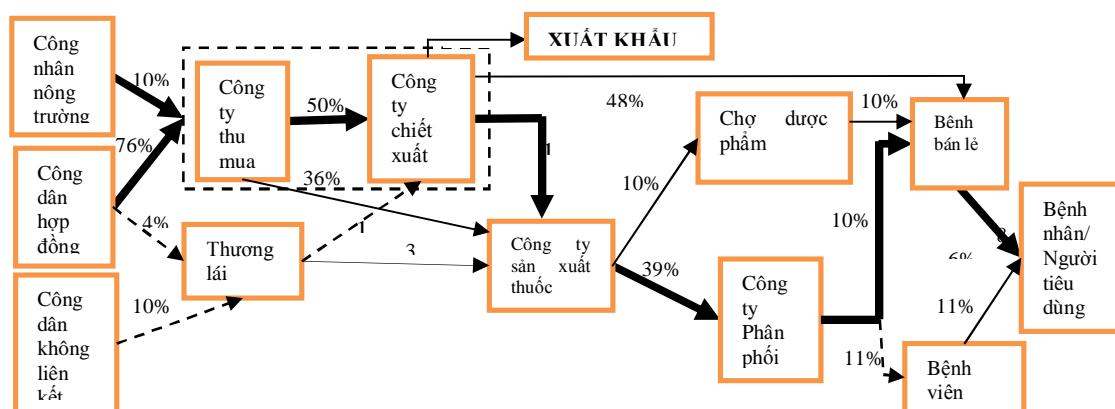
Hình 1. Mô hình liên kết chuỗi dược liệu Việt Nam

Phân tích chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu

Chức năng, tác nhân, kênh thị trường

Năm 2009, cây Diệp Hạ Châu được trồng tại Phú Yên với quy mô 9,5ha (hecta). Năm 2010, diện tích trồng tăng 18% đạt diện tích 11,2ha.

Bình quân mỗi năm tại Phú Yên cây Diệp Hạ Châu được trồng với quy mô khoảng 10 ha, tốc độ tăng diện tích đạt trên 10%/năm. Trong đó, 1 năm trồng được 4 vụ (mỗi vụ 55 ngày).



Hình 2. Chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu tại Phú Yên

Thống kê trung bình quy mô một số vùng trồng Diệp Hạ Châu

STT	Vùng trồng	Diện tích	Năng suất	Thời gian 1 vụ	Giá/kg khô	Số lượng các hộ	Thu nhập mỗi năm
1	Cát Tiên-Lâm Đồng	2,4 ha	3,8 tấn/ha	45-60 ngày	50.000	16 hộ	140-150 triệu/ha/năm
2	Tuy Hòa - Phú Yên	10 ha	15-16 tấn/ha	50-60 ngày	45.000 - 50.000	100 -200 hộ	150-200 triệu/ha/năm

Các tác nhân tham gia chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu bao gồm 6 nhóm tương ứng với 6 khâu:

Khâu trồng trọt: bao gồm Công nhân nông trường, Nông dân liên kết (nông dân hợp đồng) và Nông dân không liên kết phân loại dựa trên mức độ liên kết với công ty thu mua. Số lượng nông dân tham gia trồng cây Diệp Hạ Châu, đã có hơn 100 hộ, trong đó số nông dân trồng theo hợp đồng chiếm gần 90%, trồng theo dự án cấp tỉnh, và nông dân không liên kết chiếm khoảng 10%. Công nhân nông trường chiếm số lượng không đáng kể, chủ yếu trồng để giữ giống.

Khâu thu mua: gồm công ty thu mua và thương lái. Các bước xử lý ban đầu như cắt, phơi, sấy sẽ do công ty trực tiếp thu mua thực hiện.

Khâu chiết xuất: công ty chiết xuất sẽ sản xuất các loại sản phẩm phổ biến trên thị trường như cao, trà, dược liệu sạch và các bán thành phẩm như tinh chất, nguyên liệu đã chế biến.

Khâu sản xuất thành phẩm: công ty sản xuất ra các loại thực phẩm chức năng, thuốc viên nang. Phần lớn các công ty chiết xuất và sản xuất thuốc cùng một công ty.

Khâu phân phối: gồm Chợ dược phẩm, Công ty phân phối. Các khâu này sẽ phân phối đến các kênh bán lẻ, đại lý, bệnh viện.

Khâu tiêu dùng: gồm bệnh nhân/ người tiêu dùng sẽ mua và sử dụng sản phẩm.

Cơ chế tham gia, liên kết, sự tin tưởng trong chuỗi giá trị

Có 5 mối liên kết được hình thành trong chuỗi với các cấp độ khác nhau như sau: Liên kết 1: Nguyên liệu đầu vào và Nông dân; Liên kết 2: Nông dân và Công ty thu mua/thương lái và công ty sản xuất; Liên kết 3: Công ty sản xuất và Nhà phân phối; Liên kết 4: Nhà phân phối và Người tiêu dùng; Liên kết 5: Công ty sản xuất và Xuất khẩu.

Trong liên kết 1, công ty thu mua cung cấp đầu vào giống và các hỗ trợ kỹ thuật cho nông dân liên kết, nông dân liên kết chịu các chi phí đầu vào còn lại. Nông dân không liên kết chịu tất cả chi phí đầu vào.

Liên kết 2 có các dạng liên kết như dưới đây, bao gồm:

Nông dân liên kết và công ty thu mua: liên kết chặt chẽ Công ty ký kết hợp đồng điều kiện thu mua cụ thể trong; cung cấp giống; tập huấn, đào tạo các kiến thức cơ bản về cây Diệp Hạ Châu, kỹ thuật nhân giống, chăm sóc, thu hoạch, sơ chế để sản phẩm đạt tiêu chuẩn dược liệu an toàn cho nông dân liên kết. Các quy định về tiêu chuẩn chất lượng được quy định trong hợp đồng. Nông dân liên kết bị ràng buộc bằng những điều khoản

cụ thể liên quan đến kỹ thuật, diện tích trồng, năng suất, chất lượng cây, thời gian vận chuyển đến công ty sau thu hoạch (8 giờ sau thu hoạch).

Nông dân không liên kết/liên kết và thương lái: liên kết yếu và sản xuất không ổn định.

Nông dân không liên kết chịu tất cả chi phí đầu vào, bán cho các thương lái địa phương trên thị trường tự do, không ràng buộc về chất lượng cây trồng. Chất lượng được đánh giá cảm quan theo kinh nghiệm của thương lái. Hiểu biết về chất lượng giữa các tác nhân là không đồng đều. Giao dịch giữa nông dân liên kết và thương lái xảy ra trong 3 trường hợp: dư năng suất, phá hợp đồng do giá cao hoặc chất lượng kém không được thu mua. Một số ít nông dân/thương lái bán được liệu

khô hoặc chế biến dạng cao bán ra thị trường do người tiêu dùng ít có thông tin về chất lượng được liệu nên hình thức bán này vẫn được tiêu thụ. Nghiên cứu không xét đến thị trường này do khối lượng giao dịch không đáng kể.

Công ty thu mua và công ty sản xuất

Liên kết có dòng thông tin quy định về tiêu chuẩn chất lượng dựa trên hợp đồng. Các công ty sản xuất sử dụng nguyên liệu từ nhiều nguồn (có cả nhập khẩu) và việc kiểm tra hiện nay chỉ mang tính thủ tục và dựa trên kinh nghiệm. Các công ty này cũng có thu mua nguyên liệu từ thương lái trong các trường hợp thiếu nguyên liệu.

Thống kê các quy tắc, ràng buộc tác nhân tham gia chuỗi giá trị

Nhân tố	Quy tắc, ràng buộc	Tính chất
Công nhân nông trường	Hợp đồng lao động	Chính thức
Nông dân liên kết	Hợp đồng kinh tế	Chính thức
Nông dân không liên kết	Giá cả, số lượng, chất lượng	Ngầm
Công ty thu mua, sản xuất	Hợp đồng kinh doanh	Chính thức
Thương lái địa phương	Giá cả, số lượng, chất lượng cây sau thu hoạch	Chính thức và ngầm
Nhà phân phối của công ty	Hợp đồng kinh doanh	Chính thức
Người bán lẻ tự phát	Giá cả, chất lượng	Ngầm
Người tiêu dùng	Giá cả, số lượng, chất lượng sản phẩm	Chính thức và ngầm
Nhà xuất khẩu	Hợp đồng kinh doanh	Chính thức

Liên kết 3 hình thành thông qua các hợp đồng chính thức với các nhà phân phối. Liên kết 4 từ công ty phân phối tới người tiêu dùng có dòng thông tin không đồng đều với thông tin được nhận biết và hiểu bởi người tiêu dùng là thấp.

Ngoài ra, thị trường còn tồn tại kênh xuất khẩu (Liên kết 5). Sản phẩm xuất khẩu chủ yếu là Diệp Hạ Châu khô bị giới hạn ở một số công ty có đối tác từ trước, chủ yếu xuất khẩu sang các thị trường Châu Âu, Bắc Mỹ, Nhật Bản với doanh thu cao nhất chưa tới 1 tỷ đồng. Tình trạng không tìm được đối tác xuất khẩu cũng như không cung cấp đủ số lượng yêu cầu là hai cản trở lớn trong việc đưa Diệp Hạ Châu ra thị trường thế giới, đối với cả các công ty lớn trong ngành. Từ thực tế cho thấy xuất khẩu hiện tại chưa là phải thế mạnh trong chuỗi của cây dược liệu này.

Phân tích kinh tế chuỗi

Phân tích kinh tế chuỗi thống nhất một số quy ước sau: 1 kg dược liệu tươi bằng 0,1 kg dược liệu khô; 15kg dược liệu khô bằng 1 kg nguyên

liệu dược; 1kg nguyên liệu chiết suất được 2.000mg Phyllanthin; chi phí đầu vào của các tác nhân đi sau là giá bán hoặc giá bán trung bình của các tác nhân đi trước tùy thuộc vào kênh thị trường.

Theo bảng 4, trên 1 ha, giá thành sản xuất của nông dân liên kết là 1.593 đồng/kg, trong đó chi phí lao động chiếm tỷ trọng cao nhất (70,6%) bao gồm công làm đất, làm cỏ, tưới và thu hoạch, trong đó, công tưới nước được ghi nhận là công đoạn cực nhất trong việc chăm sóc. Các chi phí đầu vào như giống, phân chuồng, phân lân vi sinh và vôi chiếm 11,8% trong chi phí sản xuất. Chi phí vận chuyển tới khu nguyên liệu chiếm 7,8%. Các nghiên cứu tại Phú Yên cho thấy cây Diệp Hạ Châu có năng suất cao đạt 15-16 tấn/ha/vụ với hàm lượng Phyllanthin >2.000mg/kg.

Cơ cấu chi phí và lợi nhuận trên 1 ha của nông dân liên kết trong 1 vụ (55 ngày)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Nội dung	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Chi phí	Chi phí/kg	Tỷ trọng (%)
	Tổng chi phí					1.593,7	
1	Chi phí đầu vào					187,5	11,8
	Giống	20	Kg				
	Phân chuồng	10	Tấn	100	1.000	62,5	
	Phân lân vi sinh	0,8	Tấn	2000	1.600	100	
	Vôi	1	Tấn	400	400	25	
2	Lao động	300	Công	60	18.000	1.125	70,6
	Làm đất	30					
	Làm cỏ	100					
	Tưới nước	150					
	Thu hoạch	20					
3	Điện tưới	300	Kw	1	300	18,75	1,2
4	Vận chuyển	10	Chuyến	200	2.000	125	7,8
5	Khấu hao và chi phí khác					137,5	8,6
6	Doanh thu	16.000	Kg	2,8	44.800	2,8	
7	Lãi ròng					1.206	

Nguồn: Số liệu báo cáo kết quả thực hiện dự án trồng Diệp Hạ Châu - Phú Yên 2010

Như vậy, trên 1 ha, nông dân liên kết có thu nhập bình quân là 2.800 đồng/kg tương đương khoảng 44,8 triệu đồng/ha sau khi trừ chi phí, nông dân liên kết có lãi là 1.206 đồng/kg tương đương 19 triệu đồng/ha. Một năm nông dân có thể trồng 3 đến 4 mùa vụ với doanh thu đạt từ 120 đến 170 triệu đồng/ha trên vùng bãi bồi ven sông Đà Rằng và thu nhập từ 67 – 85 triệu/ha trên vùng đất cát. Các tháng còn lại trong năm có thể luân chuyển trồng các cây nông nghiệp khác để tăng thu nhập.

Nông dân không liên kết chịu chi phí giống đầu vào cao với giá giống từ 500 nghìn đến 1 triệu đồng/kg. Theo ước tính, chi phí sản xuất của nông dân không liên kết trên 1 ha là 2.125 đồng/kg. Một vụ 55 ngày nông dân có thể có thu nhập từ 8 đến 9 triệu/ha. Lợi nhuận ước tính đạt 525 đồng/kg. Trên thực tế, người nông dân trồng được liệu sử dụng lao động gia đình là chính nên không tính toán chi phí lao động nên với nông dân không liên kết ước tính lợi nhuận cao hơn nhiều.

Theo bảng 5, công ty chiết xuất chiếm tỷ trọng cao nhất trong giá bán lẻ (47,1%), tiếp theo đó là nhà bán lẻ (35,7%). Nông dân có chi phí tăng thêm là 23,7% tuy nhiên lợi nhuận thu được chỉ là 1% trong tổng chuỗi giá trị. Chi phí tăng thêm thể hiện chi phí giúp gia tăng giá trị cho sản phẩm. Chi phí tăng thêm của công ty sản xuất thuốc là cao nhất 38,2% (chi phí đầu tư thiết bị, nhà xưởng, vận hành, thương mại, ...). Tiếp đến là nhà sơ chế (21,9%), nông dân với 23,7% và nhà bán lẻ chiếm 14,4%.

Về tổng lợi nhuận, công ty sản xuất thuốc chiếm lợi nhuận cao nhất trong toàn chuỗi 48,5% tiếp theo là các công ty phân phối (39%). Nông dân trồng dược liệu chỉ nhận được 1% giá trị trong toàn chuỗi. Lợi nhuận trong chuỗi giá trị cũng phân bổ cho các tác nhân bên ngoài như nhà nhập khẩu, nhà phân phối và nhà bán lẻ tại thị trường bên ngoài. Hạn chế về số liệu chi phí lợi nhuận không cho phép nhóm tác giả có thể phân tích lợi nhuận mà các tác nhân bên ngoài nhận được.

Phân phối thu nhập và giá bán lẻ trên toàn chuỗi

Tác nhân	Chi phí			Doanh thu	Lợi nhuận		Biên lợi nhuận	
	Đầu vào	Chi phí tăng thêm	% Chi phí tăng thêm		Giá đơn vị	Lợi nhuận đơn vị	% Tổng lợi nhuận	Đơn vị
Nông dân	2.218*		23,7%	2.800	581,3	1,0%	2.800	4,0%
Thương lái	2.800	170	1,8%	3.200	230	0,4%	400	0,6%
Công ty sơ chế	3.200	2.050	21,9%	12.000	6.750	11,1%	8.800	12,6%
Công ty sản xuất	12.000	3.580	38,2%	45.000	29.420	48,5%	33.000	47,1%
Bán lẻ	45.000	1.350	14,4%	70.000	23.650	39,0%	25.000	35,7%
		9.368,8	100%		60.631,3	100,0%	70.000	100%

*Chi phí điều chỉnh theo trung bình nhiều xã.

Giới thiệu Dừa Cạn và so sánh

Giới thiệu

Cây Dừa Cạn thuộc chi Catharanthus, là cây dược liệu dùng để chiết xuất hai dược chất chính là Vinblastin và Vincristin có tác dụng ức chế mạnh sự phân bào trong chữa trị ung thư với giá trị kinh tế rất cao.

Tại Việt Nam, Dừa Cạn đã từng là một trong những cây dược liệu chiến lược với mức xuất khẩu năm cao nhất lên đến 200 tấn, trung bình mỗi năm xuất khẩu từ 20 – 50 tấn. Tuy nhiên cho tới hiện nay, Dừa Cạn đã không thể tiếp tục xuất khẩu ra thị trường thế giới do cạnh tranh yếu về giá nhân công và công nghệ chiết xuất Vinblastin. Chi phí nhân công trung bình của ngành dược liệu trong nước khoảng 6 USD/ngày công, cao gấp 3 lần so với ở Ấn Độ và

Benchmarking Diệp Hạ Châu với Dừa Cạn

Tiêu chí	Dừa Cạn	Diệp Hạ Châu
Điều kiện môi trường	Phù hợp với đất đai, khí hậu Việt Nam, đặc biệt tại ven biển miền Trung.	Phù hợp điều kiện ven biển miền Trung.
Chất lượng dược liệu	Gần như tốt nhất trên thế giới đạt 140ml Vinblastin/kg.	Luôn đạt lớn hơn 2000mg Phyllanthin /kg.
Quy hoạch vùng trồng	Không quy hoạch vùng trồng: nông dân trồng tự phát. Không kiểm soát chất lượng khâu thu mua. Dẫn đến hậu quả hàng tấn nguyên liệu bị trả về gây khó khăn nghiêm trọng cho người nông dân, uy tín xuất khẩu giảm dẫn đến xuất khẩu khó khăn.	Chưa được quy hoạch cẩn thận Chưa xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng đầu vào.
Công nghệ sơ chế và chiết xuất tinh chế	Các nhà máy thu mua sơ chế không được đầu tư và công nghệ chiết xuất yếu kém, dẫn đến các công ty bị tuột dốc và kéo theo đầu ra của người trồng dược liệu biến mất.	Công nghệ sau thu hoạch thiếu nhân lực có trình độ. Công nghệ chiết xuất hiện nay dừng lại ở dạng chiết lỏng. Các công nghệ chiết tinh chưa được sử dụng và đầu tư.
Hiện trạng	Hiện nay các trung tâm nghiên cứu chỉ còn trồng Dừa Cạn để giữ giống. Không còn khả năng xuất khẩu.	Các sản phẩm chủ yếu được tiêu dùng trong nước và không đủ cạnh tranh để tham gia xuất khẩu.

Cây Dừa Cạn sau hơn 20 năm không được đầu tư và khai thác hiệu quả đã không còn khả năng xuất khẩu.

Các biện pháp để hồi phục cây Dừa Cạn bắt đầu được chú trọng như: xây dựng vùng trồng mẫu Dừa Cạn phục vụ cho nghiên cứu ở Đà Lạt và áp dụng công nghệ mới; Thực hiện nghiên cứu chiết suất dược chất tinh từ cây Dừa Cạn; Đầu tư hướng tới chủ động nguồn thuốc chống ung thư trong tương lai. Tuy nhiên, việc lấy lại lợi thế cạnh tranh so với các nước đi trước đã hình thành vùng trồng công nghiệp và đầu tư công nghệ cần một thời gian dài và chính sách phù hợp.

Đề cây Diệp Hạ Châu trong tương lai không trở thành một Dừa Cạn thứ hai, học tập các tồn đọng trong quá trình khai thác Dừa Cạn là điều cần thiết. Các định hướng phát triển, quy hoạch

Madagascar (2 USD). Về công nghệ chiết xuất Vinblastin từ cây Dừa Cạn tiên tiến nhất hiện do Pháp và Hungary nắm giữ.

Tuy Việt Nam đã từng có nhiều dự án nghiên cứu nhưng do nhiều bất cập vẫn chưa có kết quả thực tế áp dụng vào sản xuất. Hiện nay, ở trong nước chỉ còn lại một số công ty sản xuất dược liệu sạch từ là và rễ Dừa Cạn để cung cấp cho thị trường trong nước với sản lượng 2-3 tấn/ năm, giá mỗi kí dược liệu được 5 USD, cao hơn 1-1,5 USD trên thị trường thế giới hiện nay.

Benchmarking Diệp Hạ Châu với Dừa Cạn

Quá trình phát triển của Dừa Cạn có phần giống với cây Diệp Hạ Châu, việc so sánh hai cây dược liệu này mang lại cái nhìn rõ hơn về hướng phát triển của những cây dược liệu chiến lược của nước ta trong những năm qua.

vùng trồng, sản lượng, nâng cao giá trị chuỗi bằng cách đầu tư vào công nghệ kỹ thuật mới, cùng với việc thực hiện nghiên cứu sâu về cây dược liệu đủ sâu, đúng tâm và đề cao tính ứng dụng cần được hành động ngay từ bây giờ.

KẾT LUẬN – ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP

Đề xuất giải pháp

Hướng phát triển bền vững ngành dược liệu Việt Nam có thể được xây dựng từng bước do điều kiện còn hạn chế của Việt Nam về công nghệ cũng như vốn. Do đó phải phát triển từ vùng trồng cho đến R&D để tạo sự phát triển bền vững cho chuỗi.

Từ các phân tích trên, nghiên cứu đề xuất hai giải pháp nhằm cải thiện giá trị của chuỗi bao gồm:

Công nghiệp hóa nông nghiệp trồng trọt dược liệu: hình thành các vùng chuyên canh trồng trọt với quy mô công nghiệp và có sự liên kết với các doanh nghiệp.

Giải pháp này cần sự liên kết ngành như ngành nông nghiệp và ngành dược để giảm các chi phí đầu vào cho trồng dược liệu như chi phí nhân công, giống.

Ngoài ra, việc hình thành vùng chuyên canh giúp cho nông dân có thu nhập ổn định và doanh nghiệp sản xuất có được nguồn cung lớn, ổn định và đạt chất lượng. Từ đó, tạo ra mối liên kết chặt giữa nông dân và doanh nghiệp.

Tập trung phát triển R&D - tập trung đầu tư vào công đoạn mang lại nhiều giá trị nhất trong chuỗi.

Để phát triển được khâu này, cần tập trung phát triển nguồn nhân lực và phòng thí nghiệm từ các trường đại học, viện nghiên cứu.

Nguồn nhân lực có chuyên môn về công nghệ bảo quản và xử lý cây dược liệu ngay sau thu hoạch cần được chú trọng.

Việc học tập các công nghệ của các nước dẫn đầu và đầu tư nâng cấp dây chuyền công nghệ đang có là bước đầu tiên để thực hiện giải pháp này.

Kết luận

Bài nghiên cứu mô tả được chuỗi liên kết trong ngành dược liệu trong nước từ đầu vào đến người tiêu dùng cuối cùng. Bài nghiên cứu trình bày và

phân tích kinh tế chuỗi giá trị cây Diệp Hạ Châu trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Theo kết quả phân tích, khâu sản xuất thuốc là khâu tạo ra nhiều giá trị gia tăng nhất cho toàn chuỗi, nên việc tập trung đầu tư vào khâu sản xuất là điều cấp thiết, đầu tư mạnh mẽ và quản lý có hiệu quả trong khâu R&D, gia tăng giá trị sản xuất là điểm mấu chốt tạo ra giá trị gia tăng cho toàn chuỗi. Ngoài ra, bài nghiên cứu cũng so sánh với cây Dừa Cạn nhằm mục đích xác định hướng đi đúng đắn cho phát triển và khai thác cây Diệp Hạ Châu đúng cách trong tương lai.

HẠN CHẾ - HƯỚNG NGHIÊN CỨU

Hạn chế: Kết quả chỉ mang tính chất tương đối do các thông tin được ước lượng dựa trên bảng câu hỏi và phỏng vấn chuyên gia. Các biện pháp được đề xuất còn mang tính chủ quan do hạn chế kiến thức về chính sách vĩ mô và phạm vi tiếp cận giới hạn tại tỉnh Phú Yên.

Hướng nghiên cứu tiếp theo: Nghiên cứu tiếp theo sâu hơn về cải thiện và nâng cao thu nhập cho các tác nhân tham gia chuỗi được đề xuất. Các đề tài được đề xuất như sau: Nghiên cứu về phân bổ thu nhập giữa các tác nhân tham gia chuỗi, Nghiên cứu về các cây dược liệu có tiềm năng khác của nước ta và Nghiên cứu sự tham gia của người nghèo trong chuỗi giá trị Diệp Hạ Châu và giải pháp cải thiện giúp nông dân thoát nghèo.

The research of pharmaceutical value chain – Diep Ha Chau (Phyllanthus Amarus)

- Huynh Bao Tuan
- Ho Phuong Hoang
- Tran Thi Cam
- Nguyen Ngoc Kieu Chinh

University of Technology – VNU-HCM

ABSTRACT:

Pharmaceutical has been an important industry which would earn much profit for our country in the future. However, the relationships and links between each part of Vietnamese pharmaceutical are not clearly identified. This research, which is done in Phu Yen, finds out and calculates the value chain of Diep Ha Chau (Phyllanthus) – a typical medicinal plant in the National list. Research's analysis method is based on the method of Eschborn GTZ (2007), Raphael Kaplinsky and Mike Morris (2000), and M4P program (2007). The results include a complete value chain of Diep Ha Chau (Phyllanthus), from

participants, relationships, and links between them to how well the information flows and the final is profit percentage that each participant earns. Besides, research also states some possible solutions to improve the operation of Diep Ha Chau (Phyllanthus) value chain, which are focusing on R&D and industrializing pharmaceutical cultivation in Vietnam. Moreover, this research hoped to be the foundation for further studies on similar topics such as improving economic efficiency for low value or low earning part in Diep Ha Chau's (Phyllanthus's) value chain.

Key word: Value Chain, Phyllanthus, Catharanthus roseus, Value Chain for poor, Pharmaceutical.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Anh L.T.T, Báo cáo tổng kết dự án trồng và phát triển cây dược liệu an toàn phù hợp với vùng đất Phú Yên để làm thuốc trong nước và xuất khẩu, (2011).
- [2]. GTZ Eschborn Uma Subramanian, GTZ Cẩm nang ValueLinks, Phương pháp luận để thúc đẩy chuỗi giá trị, (August, 2007).
- [3]. Jon H. and Madelon M., Guidelines for value chain analysis, (Nov. 2006).
- [4]. Porter, M.E, Lợi thế cạnh tranh, Nhà xuất bản Trẻ, (2012).
- [5]. Raphael Kaplinsky and Mike Morris, A handbook for value chain research, Publisher: IRDC, (2003).
- [6]. Raphael Kaplinsky và Mike Morris, Sổ tay nghiên cứu chuỗi giá trị, Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright, (2011-2013).
- [7]. Shahidullah A.K.M, Emdad Haque C, Linking Medicinal Plant Production with Livelihood Enhancement in Bangladesh: Implications of a Vertically Integrated Value Chain, (2010).
- [8]. Shahidullah A.K.M, The role of medicinal plants in livelihood improvement and ecological sustainability in Bangladesh: An Application of a Participatory Approach to Management and Marketing, (2007).
- [9]. The World Bank Group, Moving Toward Competitiveness: A Value Chain Approach, (October, 2007).